

KẾ HOẠCH
Triển khai chuyển đổi khu kinh tế Cửa khẩu Quốc tế
Lệ Thanh theo mô hình Cửa khẩu số

Căn cứ Nghị quyết số 57/NQ-TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Thực hiện Thông báo Kết luận số 195-KL/ĐU ngày 27/01/2026 của Ban Thường vụ Đảng uỷ UBND tỉnh. UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai chuyển đổi khu kinh tế Cửa khẩu Quốc tế Lệ Thanh theo mô hình Cửa khẩu số như sau:

I. THỰC TRẠNG, MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU:

1. Thực trạng:

1.1. Về hạ tầng công nghệ thông tin.

Hiện nay, hạ tầng công nghệ thông tin tại Khu vực Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh chưa được đầu tư đồng bộ, chưa hình thành hệ thống mạng dùng chung, dẫn đến việc khai thác, chia sẻ dữ liệu giữa các lực lượng chức năng còn hạn chế, chủ yếu hoạt động độc lập theo phạm vi chuyên ngành. Cụ thể:

a. Tại khu vực Barie số 1:

- Được trang bị 01 máy tính phục vụ cho lực lượng Hải quan, sử dụng đường truyền số liệu riêng để kết nối trực tiếp với hệ thống phần mềm nghiệp vụ của Tổng cục Hải quan.

- Hệ thống barie điện điều khiển tự động đã được lắp đặt và vận hành ổn định.

- Chưa có đường truyền Internet dùng chung, chưa có kết nối nội bộ giữa các lực lượng chức năng.

- Chưa được lắp đặt hệ thống camera giám sát an ninh, chưa có khả năng ghi hình, nhận dạng hoặc theo dõi phương tiện, hàng hóa, hành khách ra vào khu vực.

b. Tại khu vực Baria số 2:

- Tương tự Barie số 1, chỉ có 01 máy tính của lực lượng Hải quan kết nối qua đường truyền chuyên dụng với hệ thống của Tổng cục Hải quan.
- Có Barie điện điều khiển tự động.
- Chưa được trang bị hạ tầng Internet, hệ thống mạng nội bộ hoặc camera giám sát an ninh.
- Vị trí đặt Barie số 2 chưa hợp lý (*các kho bãi tập kết hàng hóa còn ngoài khu vực cửa khẩu*).

c. Tại khu vực Nhà liên hợp:

- Trang thiết bị máy tính: Tổng cộng có 19 bộ máy tính: Hải quan: 07 bộ (*04 bộ tại luồng xuất; 03 bộ tại luồng nhập*); Kiểm dịch thực vật: 03 bộ (*tại luồng nhập*); Kiểm dịch y tế: chưa được trang bị thiết bị tin học; Biên phòng: 05 bộ (*03 bộ tại luồng xuất; 02 bộ tại luồng nhập*); Bộ phận thu phí – Ban Quản lý: 02 bộ (*01 bộ tại luồng xuất, 01 bộ tại luồng nhập*).

- Hạ tầng mạng:

+ Khu vực Nhà liên hợp chưa triển khai hệ thống mạng LAN dùng chung, không có đường truyền Internet tập trung.

+ Mỗi đơn vị tự thuê và vận hành đường truyền riêng, chỉ phục vụ hệ thống phần mềm chuyên ngành nội bộ.

+ Việc chia sẻ thông tin, hình ảnh, dữ liệu giữa các đơn vị chưa có cơ chế kết nối hoặc đồng bộ.

- Hệ thống camera: Các đơn vị tự lắp đặt hệ thống camera riêng biệt để phục vụ nhu cầu nội bộ, chưa có hệ thống camera giám sát tập trung, liên thông và lưu trữ dữ liệu chung, chưa có khả năng chia sẻ hình ảnh phục vụ giám sát tổng thể khu vực cửa khẩu.

- Hệ thống soi chiếu và cửa từ kiểm soát an ninh: Đã được lắp đặt tại cả luồng nhập và luồng xuất, hỗ trợ kiểm tra, kiểm soát hàng hóa, hành khách.

1.2. Về các hệ thống phần mềm:

Hiện tại, Cửa khẩu Lê Thanh chưa có hệ thống phần mềm quản lý, điều hành dùng chung cho các lực lượng hoạt động tại khu vực. Mỗi đơn vị đang sử dụng phần mềm chuyên ngành riêng biệt, cụ thể: Hải quan: Sử dụng hệ thống nghiệp vụ của Tổng cục Hải quan (*VNACCS/VCIS và các phần mềm quản lý tờ khai*); Biên phòng: Sử dụng phần mềm kiểm soát xuất nhập cảnh do Bộ Tư lệnh Biên phòng triển khai; Kiểm dịch thực vật; Kiểm dịch động vật y tế: sử dụng các hệ thống quản lý nội bộ của ngành nông nghiệp; Kiểm dịch y tế: Chưa có phần mềm chuyên ngành; Ban quản lý: đang sử dụng phần mềm Biên lai điện tử phục vụ xuất biên lai thu phí.

1.3. Đánh giá thực trạng: Qua thực trạng nêu trên, có thể nhận thấy hạ tầng và ứng dụng công nghệ thông tin tại Cửa khẩu quốc tế Lê Thanh chưa được đầu tư đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác quản lý, điều hành, giám sát hoạt động xuất nhập cảnh, xuất nhập khẩu. Cụ thể:

- Về hạ tầng CNTT: Hạ tầng chưa được xây dựng và quản lý tập trung; chưa có hệ thống mạng LAN dùng chung; các đơn vị tự trang bị đường truyền Internet riêng lẻ; hệ thống camera giám sát chưa được đầu tư tập trung; một số thiết bị đã cũ, cấu hình không đồng bộ, ảnh hưởng đến hiệu quả vận hành.

- Về hệ thống phần mềm: Chưa có phần mềm hoặc nền tảng điều hành dùng chung; mỗi lực lượng sử dụng hệ thống chuyên ngành riêng biệt, không có cơ chế kết nối, chia sẻ dữ liệu; Ban Quản lý chưa có phần mềm quản lý tổng hợp, công tác thống kê và báo cáo còn thủ công.

- Đánh giá tổng thể: Hạ tầng và ứng dụng CNTT mới chỉ đáp ứng nhu cầu tối thiểu cho từng đơn vị chuyên ngành, chưa hình thành nền tảng dùng chung, thiếu tính liên thông và đồng bộ. Cần sớm đầu tư, xây dựng và triển khai các nhiệm vụ CNTT theo hướng thống nhất, hiện đại, bảo đảm phục vụ hiệu quả công tác quản lý và giám sát tại cửa khẩu.

2. Mục đích:

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát của các cơ quan nhà nước; tạo kênh thông tin, kết nối đa chiều giữa cơ quan nhà nước với doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia hoạt động xuất nhập khẩu.

- Công khai, minh bạch trong hoạt động quản lý tại Cửa khẩu, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp lãnh đạo, cải cách hành chính, phục vụ người dân và doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất nhập khẩu tốt hơn.

- Quy trình thay đổi để tăng cường khả năng tự động hóa, giảm sự can thiệp thủ công của con người trong các hoạt động quản lý, điều hành tại Cửa khẩu.

- Ứng dụng công nghệ số trong quản lý tổng thể và toàn diện hoạt động tại khu vực Cửa khẩu. Sử dụng một hệ thống nền tảng số duy nhất có độ ổn định cao, đồng thời phải đảm bảo an toàn thông tin, phát triển, cung cấp dịch vụ số cho các doanh nghiệp dựa trên nền tảng Cửa khẩu số.

- Tự động hóa quy trình, giảm thiểu thời gian cho doanh nghiệp có phương tiện xuất nhập cảnh, hàng hóa xuất nhập khẩu; áp dụng các công nghệ số hiện đại như AI, Bigdata, Cloud; xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung, có khả năng kết nối/chia sẻ dữ liệu qua Trục liên thông, tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP).

3. Yêu cầu:

- Tổ chức triển khai chuyển đổi số tổng thể và toàn diện Cửa khẩu phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị và điều kiện, tình hình thực tế của tỉnh. Đáp ứng nhu cầu của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, bảo đảm thiết thực hiệu quả.

- Quá trình triển khai chuyển đổi số phải bảo đảm đúng tiến độ và thời gian quy định, không làm ảnh hưởng, gián đoạn đến các hoạt động tại Cửa khẩu; bảo đảm toàn vẹn, an toàn cơ sở dữ liệu trong quá trình chuyển đổi số.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN

1. Phạm vi triển khai: Khu kinh tế Cửa khẩu Quốc tế Lệ Thanh, tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng thực hiện:

- Ban Quản lý Khu kinh tế, Chi cục Hải quan Khu vực XIV, Ban Chỉ huy Bộ đội Biên Phòng - Bộ Chỉ huy quân sự, các cơ quan kiểm dịch và các cơ quan, đơn vị liên quan.

- Các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, doanh nghiệp vận tải, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hạ tầng bến bãi và các doanh nghiệp khác có liên quan.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN:

1. Chuyển đổi nhận thức:

- Xây dựng Kế hoạch triển khai chuyển đổi Khu kinh tế Cửa khẩu Quốc tế Lệ Thanh theo mô hình Cửa khẩu số.

- Giao các lực lượng chức năng và Ban Quản lý cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cơ bản về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ, công chức; đồng thời tham dự các khóa đào tạo chuyên sâu, nâng cao, cũng như các hội thảo chuyên đề về chuyển đổi số do Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao nhận thức.

- Định kỳ hàng quý, Ban Quản lý phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn sử dụng bằng nhiều hình thức (*hội nghị, đăng tải nội dung trên trang thông tin điện tử, ...*) cho các lực lượng chức năng, doanh nghiệp kinh doanh bên bãi, doanh nghiệp xuất nhập khẩu tại Cửa khẩu, bảo đảm quá trình triển khai thực hiện đạt hiệu quả.

2. Phát triển hạ tầng số:

- Phối hợp với nhà cung cấp dịch vụ Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh để rà soát, đánh giá, đồng thời triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng đường truyền, bảo đảm kết nối thông suốt, đáp ứng yêu cầu khai thác.

- Triển khai đầu tư mới, bổ sung và nâng cấp hạ tầng mạng LAN, trang thiết bị máy tính, nhằm đáp ứng yêu cầu kỹ thuật cho việc xây dựng chính quyền điện tử theo lộ trình Kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh.

3. Phát triển nền tảng số: Triển khai xây dựng hệ thống nền tảng Cửa khẩu số với các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể:

- Sử dụng nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) để kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu phục vụ khai thác, sử dụng.

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát của cơ quan nhà nước; tạo kênh thông tin, kết nối đa chiều giữa cơ quan nhà nước với doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia hoạt động xuất nhập khẩu.

- Đảm bảo tính công khai, minh bạch trong hoạt động quản lý tại Cửa khẩu; phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp lãnh đạo; thúc đẩy cải cách hành chính, hỗ trợ tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp.

- Nâng cao khả năng tự động hóa trong các bước quy trình nghiệp vụ, giảm thiểu sự thiệp trực tiếp của con người trong các hoạt động tại cửa khẩu.

- Ứng dụng công nghệ số trong quản lý tổng thể và toàn diện hoạt động tại khu vực Cửa khẩu; sử dụng một hệ thống nền tảng số duy nhất, ổn định, bảo đảm an toàn thông tin, đồng thời phát triển và cung cấp dịch vụ số cho doanh nghiệp dựa trên nền tảng này.

- Tự động hóa quy trình nhằm rút ngắn thời gian cho doanh nghiệp trong quá trình làm thủ tục xuất nhập cảnh phương tiện, xuất nhập khẩu hàng hóa; áp dụng công nghệ hiện đại như AI, Big Data, Cloud; xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung, có khả năng kết nối và chia sẻ dữ liệu qua Trục liên thông, tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP).

4. Phát triển dữ liệu:

- Sau khi Hệ thống được đưa vào vận hành, Ban Quản lý Khu kinh tế có trách nhiệm đôn đốc các đơn vị, bộ phận trực thuộc thực hiện việc cập nhật đầy đủ thông tin về thủ tục, quy trình xuất nhập khẩu giữa cơ quan quản lý nhà nước, lực lượng chức năng và doanh nghiệp lên Hệ thống; đồng thời thường xuyên theo dõi, giám sát tình hình sử dụng để kịp thời chỉ đạo, điều chỉnh, nâng cao hiệu quả vận hành.

- Tiếp tục khai thác, sử dụng hiệu quả các Hệ thống hóa đơn điện tử, biên lai điện tử trong việc xuất hóa đơn, biên lai cho khách hàng sử dụng dịch vụ, bảo đảm công khai, minh bạch và thuận tiện.

5. An toàn thông tin:

- Xây dựng Hồ sơ cấp độ cho Hệ thống Cửa khẩu số (*Hệ thống Cửa khẩu số được xác định là hệ thống thông tin cấp độ 3 theo hướng dẫn tại Khoản 3, Điều 9 của Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01-07-2016 của Chính phủ*) trình Công an tỉnh thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt; hoàn thành trước khi Hệ thống chính thức đưa vào hoạt động.

- Định kỳ hằng năm, Ban Quản lý Khu kinh tế có kế hoạch tổ chức các lớp tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ năng về bảo đảm an toàn thông tin, nâng cao nhận thức cho đội ngũ công chức, viên chức.

- Rà soát, cập nhật và ban hành các kế hoạch, quy chế, quy định liên quan đến bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan.

III. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI

Stt	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
1	Thực hiện khảo sát thực trạng tại Cửa khẩu Quốc tế Lệ Thanh và các DN xuất nhập khẩu	Đơn vị Tư vấn	Hải quan, Biên phòng, Kiểm dịch Y tế, Kiểm dịch thực vật, Ban Quản lý KKT		Đã hoàn thành
2	Tổ chức tham quan học hỏi kinh nghiệm	Ban Quản lý	Hải quan, Biên phòng, Kiểm dịch Y tế, Kiểm dịch thực vật, Tư vấn		Đã hoàn thành

3	Xây dựng dự thảo Kế hoạch Triển khai chuyển đổi khu kinh tế Cửa khẩu Quốc tế Lệ Thanh theo mô hình Cửa khẩu số; Lập Khái toán Kế hoạch CDS Cửa khẩu Lệ Thanh <i>(Khái toán bao gồm: trang bị vật tư, thiết bị, phần mềm, đường truyền)</i>	Ban Quản lý	Các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan	T10-2025	Đã hoàn thành
4	Gửi văn bản xin ý kiến góp ý về Kế hoạch CDS Cửa khẩu Lệ Thanh	Ban Quản lý	Các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan	T10-2025	Đã hoàn thành
5	Trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch CDS Cửa khẩu Lệ Thanh	Ban Quản lý		T01-2026	Đã hoàn thành
6	Phê duyệt Kế hoạch CDS Cửa khẩu Lệ Thanh	UBND tỉnh		T01-2026	
7	Trình và phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	Ban Quản lý KKT		T02-2026	
8	Xây dựng và Ban hành Quyết định phê duyệt Danh mục chức năng của hệ thống và Dự toán chi tiết thuê dịch vụ CNTT sẵn có	Ban Quản lý		T02-2026	
9	Trình và phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Ban Quản lý		T03-2026	
10	Tổ chức lựa chọn nhà thầu các gói thầu tư vấn	Ban Quản lý		T03-2026	
11	Lập hồ sơ mời thầu và Tổ chức lựa chọn nhà thầu gói thầu thuê dịch vụ CNTT và mua sắm trang thiết bị CNTT	Các đơn vị tư vấn	Ban Quản lý	T04-2026	
12	Ký hợp đồng thuê dịch vụ CNTT và mua sắm trang thiết bị CNTT	Ban Quản lý	Nhà thầu trúng thầu	T04-2026	
13	Triển khai thi công gói thầu Cửa khẩu Số.	Nhà thầu trúng thầu	Ban Quản lý	T04-2026	
14	Tập huấn và chuyển giao công nghệ cho đơn vị quản lý	Nhà thầu trúng thầu	Ban Quản lý	T06-2026	
15	Tập huấn và hướng dẫn các DN xuất nhập khẩu sử dụng dịch vụ	Nhà thầu trúng thầu	Ban Quản lý	T06-2026	

16	Nghiệm thu và bàn giao dự án	Ban Quản lý	Nhà thầu trúng thầu	T06-2026	
----	------------------------------	-------------	---------------------	----------	--

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- *Nguồn:* Ngân sách nhà nước.
- *Thời gian thực hiện:* Từ năm 2026
- *Đơn vị thực hiện:* Giao cho Ban Quản lý Khu kinh tế làm chủ đầu tư.
- *Nguyên tắc:* Thực hiện bảo đảm tiết kiệm, minh bạch, đúng pháp luật, chống tiêu cực, lãng phí trong sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn huy động hợp pháp khác. Ưu tiên triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch theo hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin tùy theo từng nhiệm vụ cụ thể.

V. DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN

Căn cứ lập tổng dự toán:

- Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/09/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
- Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ về việc bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về việc Quy định quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn NSNN;
- Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;
- Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;
- Quyết định số 1688/QĐ-STTTT ngày 11/10/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2378/QĐ-BTTTT ngày 30/12/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Công bố định mức chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước;

Tổng mức đầu tư: 15.015.416.737 đồng (Bằng chữ: Mười lăm tỷ, không trăm mười lăm triệu, bốn trăm mười sáu ngàn, bảy trăm ba mươi bảy đồng)

Trong đó:

- Nhiệm vụ: Thuê dịch vụ công nghệ thông tin: Nền tảng ứng dụng Cửa khẩu số: 12.362.407.659 đồng (*Chi tiết tại Phụ lục 1*)
- Nhiệm vụ: Mua sắm trang thiết bị hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin: 2.653.009.078 đồng (*Chi tiết tại Phụ lục 2*)

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Quản lý Khu kinh tế.

- Là cơ quan đầu mối, chủ trì triển khai thực hiện Kế hoạch; có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan để bảo đảm việc thực hiện hiệu quả.

- Xây dựng Kế hoạch chi tiết triển khai; chủ trì, phối hợp lập dự toán nhu cầu kinh phí hằng năm, trong đó ưu tiên các nhiệm vụ trọng tâm, thiết yếu; gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh và cấp có thẩm quyền quyết định, bảo đảm nguồn lực thực hiện các mục tiêu đề ra.

- Tiếp nhận, tổng hợp các kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân trong quá trình triển khai; trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc, kịp thời đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế. Đồng thời phát huy các ý tưởng, giải pháp đổi mới, sáng tạo nhằm đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số.

- Chủ động phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành liên quan để tổ chức triển khai đầy đủ các nhiệm vụ, bảo đảm đúng mục tiêu, tiến độ và lộ trình đã xác định.

- Định kỳ kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định; thực hiện báo cáo sơ kết, tổng kết vào năm kết thúc Kế hoạch.

- Làm chủ đầu tư thực hiện Đề án “Chuyển đổi Khu kinh tế Cửa khẩu Quốc tế Lệ Thanh theo mô hình Cửa khẩu số”.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp với các đơn vị liên quan hỗ trợ Ban Quản lý Khu kinh tế triển khai thực hiện Kế hoạch bảo đảm hiệu quả.

- Phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế trong việc thẩm định giải pháp, công nghệ của Nền tảng Cửa khẩu số trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các hạng mục đầu tư.

- Phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế để kết nối, liên thông Nền tảng Cửa khẩu số với các cơ sở dữ liệu ngành thông qua Nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế và các cơ quan đơn vị có liên quan báo cáo, đề xuất UBND tỉnh bổ sung Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh vào Kế hoạch chuyển đổi số của tỉnh.

- Triển khai đồng bộ Kế hoạch này với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đề án, chương trình phát triển công nghệ thông tin và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Công an tỉnh và Ban Quản lý Khu kinh tế Gia Lai trong việc thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin phục vụ triển khai Kế hoạch.

- Tham mưu triển khai, nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng các kết quả khoa học, công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phục vụ công tác chuyển đổi số của ngành trên địa bàn tỉnh theo quy định.

3. Sở Tài chính: Phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai và các đơn vị liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, bảo đảm phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương hằng năm và theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

4. Công an tỉnh, Chi cục Hải quan Khu vực XIV, Ban Chỉ huy Bộ đội Biên Phòng-Bộ Chỉ huy quân sự, Cục Thuế tỉnh, các cơ quan kiểm dịch, các doanh nghiệp bên bãi tại Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh:

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Khoa học và Công nghệ, Ban Quản lý Khu kinh tế tổ chức triển khai Kế hoạch tại đơn vị trực thuộc; chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho việc tiếp nhận và ứng dụng hệ thống nền tảng Cửa khẩu số.

- Cập nhật, kết nối, chia sẻ dữ liệu, khai thác, ứng dụng triệt để các chức năng của nền tảng Cửa khẩu số; trong quá trình sử dụng đóng góp ý kiến việc vận hành và sử dụng hệ thống nền tảng Cửa khẩu số về Ban Quản lý Khu kinh tế để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

5. Đề nghị Cục Hải quan: Phối hợp kết nối, liên thông, tích hợp, chia sẻ cơ sở dữ liệu dùng chung liên quan với nền tảng Cửa khẩu số của tỉnh.

6. Các đơn vị tư vấn, nhà thầu

- Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý Kinh tế thực hiện khảo sát, phát triển Nền tảng Cửa khẩu số Cửa khẩu Lệ Thanh, cấu hình, cài đặt, tập huấn, hướng dẫn cho các cơ quan, đơn vị sử dụng hệ thống tại Cửa khẩu Lệ Thanh.

- Bố trí phương tiện kỹ thuật, lực lượng hỗ trợ, triển khai đảm bảo hệ thống vận hành thông suốt. Có biện pháp bảo đảm cho hệ thống, đường truyền hoạt động ổn định khi vận hành và sẵn sàng hỗ trợ ứng cứu xử lý sự cố ngay khi có yêu cầu từ cơ quan, đơn vị sử dụng.

- Bảo đảm an toàn, an ninh mạng và bảo mật cơ sở dữ liệu của các cơ quan, đơn vị sử dụng Nền tảng Cửa khẩu số Cửa khẩu Lệ Thanh.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn sử dụng cho các cơ quan Biên phòng, Hải quan, lực lượng kiểm dịch, cấp phép vận tải quốc tế, Ban Quản lý Cửa khẩu và doanh nghiệp bên bãi, doanh nghiệp xuất nhập khẩu.

UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện. 

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng;
- Tổng Cục Hải quan;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh;
- Chi cục Kiểm dịch Thực vật vùng IV;
- CVP, PVPXD;
- Lưu VT, TT PVHCC, X1, X6.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tự Công Hoàng



PHỤ LỤC 1 : BẢNG CHI TIẾT TỔNG DỰ TOÁN

Nhiệm vụ: Thuê dịch vụ CNTT Nền tảng ứng dụng cửa khẩu số

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Ký hiệu	Cách tính	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế	Ghi chú
I	CHI PHÍ THUÊ DỊCH VỤ CNTT	Gt		9.993.670.207	799.493.617	10.793.163.823	
1	Thuê Hệ thống Nền tảng ứng dụng cửa khẩu số của tỉnh trong 5 năm		Theo báo giá	6.591.657.439	527.332.595	7.118.990.034	
2	Thuê quản trị, vận hành, duy trì hệ thống trong 5 năm		Theo báo giá	1.077.369.948	86.189.596	1.163.559.544	
3	Thuê Hạ tầng ảo hóa (Cloud) và dịch vụ an toàn thông tin trong 5 năm		Theo báo giá	2.324.642.820	185.971.426	2.510.614.246	
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ	Gql		0	0	0	Chủ đầu tư tự thực hiện
III	CHI PHÍ TƯ VẤN	Gtv	Gtv1+Gtv2+Gtv₃	155.881.268	12.470.501	168.351.769	
1	Chi phí tư vấn lập Kế hoạch thuê	Gtv1	$0,9598\% * Gt$	95.919.247	7.673.540	103.592.786	Bảng 2 QĐ 1688/QĐ-BTTTT ngày 11 tháng 10 năm 2019
2	Chi phí tư vấn lập Hồ sơ mời thầu và đánh giá Hồ sơ dự thầu gói thầu	Gtv2	$Gtv1.1 + Gtv1.2$	39.974.681	3.197.974	43.172.655	
2.1	Chi phí lập HSMT	Gtv2.1	$Gpm * 0,2\%$	19.987.340	1.598.987	21.586.328	Điều 14, Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04

							tháng 8 năm 2025
2.2	Chi phí đánh giá HSDT	Gtv2.2	Gpm*0,2%	19.987.340	1.598.987	21.586.328	Điều 14, Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025
3	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	Gtv3	Gtv2.1 + Gtv2.2	19.987.340	1.598.987	21.586.328	
3.1	Chi phí thẩm định HSMT	Gtv3.1	Gpm*0,1%	9.993.670	799.494	10.793.164	Điều 14, Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025
3.2	Chi phí thẩm định KQLCNT	Gtv3.2	Gpm*0,1%	9.993.670	799.494	10.793.164	Điều 14, Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025
IV	CHI PHÍ KHÁC	Gk	Gtdg + Gdt	327.065.186	26.165.215	353.230.401	
1	Chi phí thẩm định giá gói thầu Thuê dịch vụ CNTT Hệ thống Cửa khẩu số	Gtdg	Gpm * 0,55%	54.965.186	4.397.215	59.362.401	Theo báo giá
2	Chi phí thuê đường truyền trong 5 năm	Gdt	Theo báo giá	272.100.000	21.768.000	293.868.000	Theo báo giá
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	Gdp	10%* (Gpm+Gql+Gtv)	1.047.661.666	0	1.047.661.666	
TỔNG CỘNG				11.524.278.327	838.129.333	12.362.407.659	

PHỤ LỤC 2: BẢNG CHI TIẾT TỔNG DỰ TOÁN

Nhiệm vụ: Mua sắm trang thiết bị hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin

TT	Nội dung	Ký hiệu	Cách tính	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế	Ghi chú
I	CHI PHÍ THIẾT BỊ	Gtb		2.187.244.900	174.979.592	2.362.224.492	
1	Chi phí mua sắm trang thiết bị hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin		Báo giá	2.187.244.900	174.979.592	2.362.224.492	
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ	Gql		0	0	0	Chủ đầu tư tự thực hiện
III	CHI PHÍ TƯ VẤN	Gtv	Gtv1+Gtv2+Gtv3	34.820.939	2.785.675	37.606.614	
1	Chi phí tư vấn lập Báo cáo KTKT	Gtv1	$0,992\% * Gtb$	21.697.469	1.735.798	23.433.267	Bảng 2 QĐ 1688/QĐ-BTTTT ngày 11 tháng 10 năm 2019
2	Chi phí tư vấn lập Hồ sơ mời thầu và đánh giá Hồ sơ dự thầu	Gtv2	$Gtv2.1 + Gtv2.2$	8.748.980	699.918	9.448.898	
2.1	Chi phí lập HSMT	Gtv2.1	$Ght * 0,2\%$	4.374.490	349.959	4.724.449	Điều 14, Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025
2.2	Chi phí đánh giá HSDT	Gtv2.2	$Ght * 0,2\%$	4.374.490	349.959	4.724.449	Điều 14, Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025
3	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	Gtv3	$Gtv3.1 + Gtv3.2$	4.374.490	349.959	4.724.449	

3.1	Chi phí thẩm định HSMT	Gtv3.1	Ght*0,1%	2.187.245	174.980	2.362.224	Điều 14, Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025
3.2	Chi phí thẩm định KQLCNT	Gtv3.2	Ght*0,1%	2.187.245	174.980	2.362.224	Điều 14, Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025
IV	CHI PHÍ KHÁC	Gk	Gtdg + Gdt	26.246.939	2.099.755	28.346.694	
1	Chi phí thẩm định giá	Gtdg	Ght * 1,2%	26.246.939	2.099.755	28.346.694	Theo báo giá
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	Gdp	10%* (Gpm+Gql+Gtv)	224.831.278	0	224.831.278	
TỔNG CỘNG				2.473.144.055	179.865.022	2.653.009.078	